TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2018/HNGĐ-PT Ngày 20- 9- 2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Phương

Ông Cao Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2913/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim D, nơi cư trú: Số 15B/28/89 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn G, nơi cư trú: Bệnh viện đa khoa C (Số 21 đường D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Chị Dung và anh Giảng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh vào ngày

28 tháng 3 năm 2008. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày song chưa đến mức trầm trọng. Sau khi chị Dung sinh con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do không hòa hợp trong đời sống tình cảm, lối sống, tính cách vợ chồng không hợp, anh Giảng coi thường chửi mắng và dùng cả bạo lực đối với chị. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là tháng 02 năm 2014, do chị Dung nghi ngờ anh Giảng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị đã có ý định ly hôn, song vì con anh chị vẫn sống chung. Đến năm 2016 anh chị ly thân. Anh Giảng đi làm nhưng không đưa tiền cho vợ trang trải cuộc sống gia đình nên chị phải đi dạy thêm. Chị Dung thừa nhận do mải mê làm thêm để lo kinh tế nên chị chưa chăm sóc gia đình được chu đáo. Từ tháng 01 năm 2018, anh Giảng đưa con ra ngoài ở. Gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Trần Nguyễn sinh ngày 02/12/2008. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con do con còn nhỏ. Nếu cháu ở với bố sẽ bị ảnh hưởng đến tâm lý do anh Giảng thường xuyên mắng chửi, sử dụng bạo lực. Trong thời gian sống ly thân chị muốn gặp con thì phải xin phép và anh Giảng phải có mặt khiến cháu thiếu thốn tình cảm của mẹ và ông bà ngoại. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh Giảng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn G trình bày:

Anh thống nhất với chị Dung về việc kết hôn và quá trình chung sống. Tuy nhiên vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, không có mâu thuẫn như chị Dung trình bày. Quá trình chung sống, anh không bao giờ đánh chị Dung và con, anh cũng không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngược lại, anh là người chăm sóc gia đình, vợ con, chị Dung mải mê công việc không có thời gian chăm sóc chồng con và gia đình. Cuộc sống gia đình bình thường, đến tháng 6 năm 2017 anh Giảng đi học trên Hà Nội, đến tháng 10 năm 2017 thì chị Dung làm đơn xin ly hôn. Ngày 14 tháng 01 năm 2018 chị Dung cùng một số bạn bè đã dọn đồ đạc chung của vợ chồng về nhà ông bà ngoại ở, anh bức xúc nên mắng chị Dung và cùng con ra ngoài ở. Hiện nay, anh và con sống tại nơi anh công tác. Chị Dung có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị Dung.

Về con chung: Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con vì anh có công việc và thu nhập ổn định. Sau khi ly hôn, anh sẽ chuyển công tác và đưa con về Bắc Ninh, nơi bố mẹ đẻ anh sống để công tác và học tập. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với anh Trần Văn G.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Trần Văn G có một con chung là Trần Nguyễn; sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008. Giao con Trần Nguyễn cho chị Dung trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Dung và anh Giảng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 7 năm 2018 anh Giảng có Đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giao con chung cho anh nuôi và giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Lý do kháng cáo: Chị Dung bị bệnh tâm thần, không có điều kiện kinh tế, không có thời gian chăm sóc con. Nếu chị Dung đồng ý giao con cho anh nuôi thì anh không yêu cầu chia tài sản chung. Anh cũng không chuyển công tác về Bắc Ninh nữa mà hai bố con vẫn sống tại Hải Phòng để ổn định việc học của cháu. Cháu Trần Nguyễn có đơn yêu cầu được ở với bố nhưng Tòa án nhân dân quận C đã không xem xét đến nguyện vọng của cháu và giao cháu cho chị Dung nuôi là trái với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yên cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Nguyễn cho chị Dung nuôi dưỡng là có căn cứ, bởi lẽ: Chị Dung và anh Giảng sau khi kết hôn có sống tại Hà Nội một thời gian ngắn, đến tháng 12/2008 anh chị chuyển về Hải Phòng để bố mẹ

chị Dung có thể giúp đỡ trong việc chăm sóc cháu Nguyễn. Từ năm 2008 đến trước tháng 01/2018 anh chị vẫn ở Hải Phòng, đến tháng 01/2018 anh Giảng cùng cháu Nguyễn chuyển ra ngoài sinh sống. Do anh Giảng không có chỗ ở ổn định và do tính chất công việc phải trực đêm nên cháu Nguyễn và anh Giảng phải ở Bệnh viện đa khoa quận C. Trong khi đó, chị Dung là giáo viên có đủ điều kiện về kinh tế, có chỗ ở ổn định và chị Dung nhận được sự hỗ trợ của bố mẹ chị Dung trong việc chăm sóc cháu Nguyễn. Anh Giảng có trình bày chị Dung từng phải điều trị tại bệnh viện tâm thần nhưng anh không có tài liệu gì thể hiện. Đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung: Do tại cấp sơ thẩm cả anh Giảng và chị Dung đều không đề nghị Tòa án giải quyết mà tự thỏa thuận nên cấp phúc thẩm không xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Giảng, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung: Chị Dung và anh Giảng đều có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Song, về chỗ ở: Anh Giảng không có chỗ ở ổn định, theo lời khai của anh Giảng, lúc anh và cháu Nguyễn ở tại cơ quan nơi anh công tác là Bệnh viện Đa khoa quận C, lúc ở chỗ thuê nhà tại A, B, C, Hải Phòng. Và do tính chất công việc, trong một tháng anh Giảng phải trực ca đến ba ngày, do vậy điều này ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của cháu Trần Nguyễn. Anh Giảng cũng trình bày hiện anh đang thuê nhà trong thời hạn 10 năm đủ để có chỗ sinh hoạt cho cháu Nguyễn đến khi trưởng thưởng đủ 18 tuổi, tuy nhiên anh cũng trình bày tiền thuê nhà cũng như tiền điện, tiền nước tại A là do có hỗ trợ của của các anh chị em của anh. Đối với chị Dung hiện đã có chỗ ở ổn định, có nhà riêng, thu nhập của chị Dung cao hơn anh Giảng. Như vậy chị Dung có đủ điều kiện để chăm sóc con tốt hơn. Mặt khác, tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện, quá trình chung sống, có việc anh Giảng đánh đập chị Dung và cháu Nguyễn. Từ sau khi ly thân, anh Giảng ngăn cản việc cháu Nguyễn gặp mẹ và ông bà ngoại, điều này ảnh hưởng đến tình cảm và sự phát triển bình thường của cháu. Lý do anh Giảng kháng cáo do chị Dung bị tâm thần nhưng không chứng minh được chị Dung bị tâm thần, không có tài liệu, chứng cứ nào trong hồ sơ kết luận chị Dung bị bệnh tâm thần.

[2] Đối với đơn yêu cầu của cháu Trần Nguyễn có nguyện vọng được ở với mẹ, tuy nhiên trong đơn yêu cầu của cháu chỉ có bố cháu xác nhận vào đơn, không có xác nhận của mẹ cháu là những người đại diện theo pháp luật của cháu. Hơn nữa, đây chỉ là một trong những căn cứ để xem xét việc giao con cho ai nuôi khi vợ chồng ly hôn nhưng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Trần

Nguyễn còn nhỏ nên nhận thức chưa đầy đủ, đơn yêu cầu của cháu không phải là căn cứ duy nhất để Tòa án quyết định việc giao con cho ai nuôi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung là cháu Trần Nguyễn, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 cho chị Dung nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn, phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đối với kháng cáo về yêu cầu chia tài sản chung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết về tài sản chung của chị Dung và anh Giảng nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết kháng cáo về yêu cầu chia tài sản chung của anh Giảng.

[4] Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn G.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Giảng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn G, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hải Phòng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn anh Trần Văn G

2. Về con chung: Giao con Trần Nguyễn, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị Dung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 11908 ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hải Phòng. Chị Dung đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Trần Văn G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014752 ngày 19 tháng 7 năm 2018, anh Giảng đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Hồ Điệp